

TRƯỜNG THPT TRẦN BIÊN
KT,ĐG ĐỊNH KỲ CUỐI HK 1

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 1 - Khối 10

Khóa ngày: 29/12/2025

TT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi
1	000001	Đặng Nguyễn Thùy An	Nữ	06/08/2010	10A01	Văn, Toán, Anh, Vật lí
2	000002	Hoàng Tô Đức An	Nam	26/09/2010	10A08	Văn, Toán, Anh, Vật lí
3	000003	Lương Quỳnh An	Nữ	06/11/2010	10A14	Văn, Toán, Anh, Vật lí
4	000004	Lưu Nguyễn Phúc An	Nữ	12/11/2010	10A15	Văn, Toán, Anh, Vật lí
5	000005	Mai Hoàng Bảo An	Nữ	22/03/2010	10A12	Văn, Toán, Anh, Vật lí
6	000006	Nguyễn Bá An	Nam	28/05/2010	10A05	Văn, Toán, Anh, Vật lí
7	000007	Nguyễn Dương An	Nam	10/03/2010	10A01	Văn, Toán, Anh, Vật lí
8	000008	Nguyễn Khánh An	Nữ	03/08/2010	10A05	Văn, Toán, Anh, Vật lí
9	000009	Nguyễn Lê Thiên An	Nữ	12/02/2010	10A11	Văn, Toán, Anh, Vật lí
10	000010	Nguyễn Lý Bảo An	Nữ	30/04/2010	10A06	Văn, Toán, Anh, Vật lí
11	000011	Nguyễn Thanh An	Nữ	11/09/2010	10A04	Văn, Toán, Anh, Vật lí
12	000012	Nguyễn Thành An	Nam	17/04/2010	10A06	Văn, Toán, Anh, Vật lí
13	000013	Nguyễn Trúc Quỳnh An	Nữ	11/03/2010	10A11	Văn, Toán, Anh, Vật lí
14	000014	Tổng Thị Minh An	Nữ	26/03/2010	10A01	Văn, Toán, Anh, Vật lí
15	000015	Biện Vũ Phương Anh	Nữ	11/02/2010	10A05	Văn, Toán, Anh, Vật lí
16	000016	Bùi Hoàng Quốc Anh	Nam	05/09/2010	10A09	Văn, Toán, Anh, Vật lí
17	000017	Bùi Trâm Anh	Nữ	15/01/2010	10A03	Văn, Toán, Anh, Vật lí
18	000018	Bùi Trâm Anh	Nữ	15/05/2010	10A13	Văn, Toán, Anh, Vật lí
19	000019	Đào Nhật Anh	Nữ	03/06/2010	10A06	Văn, Toán, Anh, Vật lí
20	000020	Đặng Lê Quỳnh Anh	Nữ	07/11/2010	10A07	Văn, Toán, Anh, Vật lí
21	000021	Đặng Thị Kiều Anh	Nữ	09/02/2010	10A04	Văn, Toán, Anh, Vật lí
22	000022	Điền Hoàng Anh	Nữ	11/02/2010	10A14	Văn, Toán, Anh, Vật lí
23	000023	Đinh Quỳnh Anh	Nữ	03/10/2010	10A02	Văn, Toán, Anh, Vật lí
24	000024	Đinh Vũ Quỳnh Anh	Nữ	23/05/2010	10A03	Văn, Toán, Anh, Vật lí

Danh sách này có 24 học sinh.

TRƯỜNG THPT TRẦN BIÊN
KT,ĐG ĐỊNH KỲ CUỐI HK 1

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 2 - Khối 10

Khóa ngày: 29/12/2025

TT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi
1	000025	Hoàng Đình Đức Anh	Nam	14/02/2010	10A07	Văn, Toán, Anh, Vật lí
2	000026	Hồ Quỳnh Anh	Nữ	03/04/2010	10A11	Văn, Toán, Anh, Vật lí
3	000027	Lại Ngọc Thế Anh	Nam	02/12/2010	10A12	Văn, Toán, Anh, Vật lí
4	000028	Lê Đỗ Trâm Anh	Nữ	20/03/2010	10A08	Văn, Toán, Anh, Vật lí
5	000029	Lê Hoàng Anh	Nữ	03/02/2010	10A13	Văn, Toán, Anh, Vật lí
6	000030	Lê Hồ Quỳnh Anh	Nữ	09/04/2010	10A13	Văn, Toán, Anh, Vật lí
7	000031	Lê Phạm Minh Anh	Nữ	30/05/2010	10A09	Văn, Toán, Anh, Vật lí
8	000032	Lê Vân Anh	Nữ	25/09/2010	10A02	Văn, Toán, Anh, Vật lí
9	000033	Lê Vũ Nguyên Anh	Nữ	24/06/2010	10A08	Văn, Toán, Anh, Vật lí
10	000034	Mai Lê Trúc Anh	Nữ	26/02/2010	10A13	Văn, Toán, Anh, Vật lí
11	000035	Nguyễn Đăng Tú Anh	Nữ	23/01/2010	10A06	Văn, Toán, Anh, Vật lí
12	000036	Nguyễn Hà Anh	Nữ	25/01/2010	10A03	Văn, Toán, Anh, Vật lí
13	000037	Nguyễn Hoài Anh	Nữ	12/12/2010	10A01	Văn, Toán, Anh, Vật lí
14	000038	Nguyễn Hoàng Anh	Nam	05/08/2010	10A01	Văn, Toán, Anh, Vật lí
15	000039	Nguyễn Hoàng Anh	Nam	19/12/2010	10A05	Văn, Toán, Anh, Vật lí
16	000040	Nguyễn Hoàng Phương Anh	Nữ	23/08/2010	10A12	Văn, Toán, Anh, Vật lí
17	000041	Nguyễn Lê Quỳnh Anh	Nữ	22/08/2010	10A03	Văn, Toán, Anh, Vật lí
18	000042	Nguyễn Ngọc Minh Anh	Nữ	01/02/2010	10A12	Văn, Toán, Anh, Vật lí
19	000043	Nguyễn Ngọc Phương Anh	Nữ	03/11/2010	10A10	Văn, Toán, Anh, Vật lí
20	000044	Nguyễn Phương Anh	Nữ	06/02/2010	10A08	Văn, Toán, Anh, Vật lí
21	000045	Nguyễn Phương Anh	Nữ	18/07/2010	10A12	Văn, Toán, Anh, Vật lí
22	000046	Nguyễn Quỳnh Anh	Nữ	22/01/2010	10A02	Văn, Toán, Anh, Vật lí
23	000047	Nguyễn Quỳnh Anh	Nữ	05/04/2010	10A10	Văn, Toán, Anh, Vật lí
24	000048	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	06/01/2010	10A06	Văn, Toán, Anh, Vật lí

Danh sách này có 24 học sinh.

TRƯỜNG THPT TRẦN BIÊN
KT,ĐG ĐỊNH KỲ CUỐI HK 1

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 3 - Khối 10

Khóa ngày: 29/12/2025

TT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi
1	000049	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	20/01/2010	10A14	Văn, Toán, Anh, Vật lí
2	000050	Nguyễn Việt Anh	Nam	12/12/2010	10A02	Văn, Toán, Anh, Vật lí
3	000051	Nguyễn Xuân Hải Anh	Nam	17/11/2010	10A07	Văn, Toán, Anh, Vật lí
4	000052	Phạm Bùi Hà Anh	Nữ	22/09/2010	10A13	Văn, Toán, Anh, Vật lí
5	000053	Phạm Hoàng Anh	Nữ	27/11/2010	10A05	Văn, Toán, Anh, Vật lí
6	000054	Phạm Thị Lan Anh	Nữ	25/12/2009	10A04	Văn, Toán, Anh, Vật lí
7	000055	Phan Hoài Anh	Nữ	27/01/2010	10A15	Văn, Toán, Anh, Vật lí
8	000056	Quách Trần Nhật Anh	Nam	20/06/2010	10A11	Văn, Toán, Anh, Vật lí
9	000057	Thái Trâm Anh	Nữ	15/06/2010	10A13	Văn, Toán, Anh, Vật lí
10	000058	Trần Ngọc Anh	Nam	21/01/2010	10A01	Văn, Toán, Anh, Vật lí
11	000059	Trần Ngọc Minh Anh	Nữ	17/02/2010	10A04	Văn, Toán, Anh, Vật lí
12	000060	Trần Nguyễn Tuấn Anh	Nam	24/08/2010	10A12	Văn, Toán, Anh, Vật lí
13	000061	Trần Phương Anh	Nữ	16/03/2010	10A13	Văn, Toán, Anh, Vật lí
14	000062	Trần Phương Anh	Nữ	14/05/2010	10A15	Văn, Toán, Anh, Vật lí
15	000063	Trần Quỳnh Anh	Nữ	13/05/2010	10A01	Văn, Toán, Anh, Vật lí
16	000064	Trần Thị Quỳnh Anh	Nữ	08/02/2010	10A02	Văn, Toán, Anh, Vật lí
17	000065	Trịnh Bảo Anh	Nữ	11/10/2010	10A07	Văn, Toán, Anh, Vật lí
18	000066	Trịnh Nguyễn Đức Anh	Nam	05/05/2010	10A10	Văn, Toán, Anh, Vật lí
19	000067	Trương Quỳnh Anh	Nữ	08/06/2010	10A13	Văn, Toán, Anh, Vật lí
20	000068	Nguyễn Minh Ánh	Nữ	18/02/2010	10A14	Văn, Toán, Anh, Vật lí
21	000069	Nguyễn Hồng Ân	Nữ	23/10/2010	10A12	Văn, Toán, Anh, Vật lí
22	000070	Nguyễn Trần Thiên Ân	Nam	07/11/2010	10A04	Văn, Toán, Anh, Vật lí
23	000071	Phạm Văn Hoàng Ân	Nam	07/12/2010	10A01	Văn, Toán, Anh, Vật lí
24	000072	Trần Thiên Ân	Nam	06/04/2010	10A08	Văn, Toán, Anh, Vật lí

Danh sách này có 24 học sinh.

TRƯỜNG THPT TRẦN BIÊN
KT,ĐG ĐỊNH KỲ CUỐI HK 1

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 4 - Khối 10

Khóa ngày: 29/12/2025

TT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi
1	000073	Võ Nguyễn Thiên	Ân	Nữ	30/06/2010	10A06	Văn, Toán, Anh, Vật lí
2	000074	Vũ Quang	Ấn	Nam	17/05/2010	10A14	Văn, Toán, Anh, Vật lí
3	000075	Hoàng	Bách	Nam	24/03/2010	10A06	Văn, Toán, Anh, Vật lí
4	000076	Nguyễn Toàn	Bách	Nam	16/01/2010	10A13	Văn, Toán, Anh, Vật lí
5	000077	Nguyễn Xuân	Bách	Nam	07/09/2010	10A01	Văn, Toán, Anh, Vật lí
6	000078	Đỗ Gia	Bảo	Nam	09/05/2009	10A01	Văn, Toán, Anh, Vật lí
7	000079	Hồ Gia	Bảo	Nam	20/06/2010	10A03	Văn, Toán, Anh, Vật lí
8	000080	Lý Gia	Bảo	Nam	29/11/2010	10A03	Văn, Toán, Anh, Vật lí
9	000081	Nguyễn Gia	Bảo	Nam	21/04/2010	10A05	Văn, Toán, Anh, Vật lí
10	000082	Nguyễn Hoàng Gia	Bảo	Nam	09/08/2010	10A02	Văn, Toán, Anh, Vật lí
11	000083	Nguyễn Hữu Gia	Bảo	Nam	09/07/2010	10A04	Văn, Toán, Anh, Vật lí
12	000084	Nguyễn Minh	Bảo	Nam	06/02/2010	10A13	Văn, Toán, Anh, Vật lí
13	000085	Nguyễn Quốc	Bảo	Nam	20/05/2010	10A08	Văn, Toán, Anh, Vật lí
14	000086	Nguyễn Quốc	Bảo	Nam	03/03/2010	10A10	Văn, Toán, Anh, Vật lí
15	000087	Phạm Gia	Bảo	Nam	17/07/2010	10A07	Văn, Toán, Anh, Vật lí
16	000088	Phạm Gia	Bảo	Nam	20/05/2010	10A10	Văn, Toán, Anh, Vật lí
17	000089	Phạm Gia	Bảo	Nam	17/02/2010	10A12	Văn, Toán, Anh, Vật lí
18	000090	Vũ Đức	Bảo	Nam	19/04/2010	10A11	Văn, Toán, Anh, Vật lí
19	000091	Vũ Xuân	Bảo	Nam	23/10/2010	10A01	Văn, Toán, Anh, Vật lí
20	000092	Nguyễn Quang	Bắc	Nam	08/06/2010	10A07	Văn, Toán, Anh, Vật lí
21	000093	Chu Văn Thanh	Bình	Nam	05/05/2010	10A05	Văn, Toán, Anh, Vật lí
22	000094	Nguyễn Đức	Bình	Nam	13/08/2010	10A15	Văn, Toán, Anh, Vật lí
23	000095	Trần Lê	Bình	Nam	29/01/2010	10A09	Văn, Toán, Anh, Vật lí
24	000096	Bùi Nhật Minh	Châu	Nữ	07/11/2010	10A06	Văn, Toán, Anh, Vật lí

Danh sách này có 24 học sinh.

TRƯỜNG THPT TRẦN BIÊN
KT,ĐG ĐỊNH KỲ CUỐI HK 1

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 5 - Khối 10

Khóa ngày: 29/12/2025

TT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi
1	000097	Chu Hoàng Bảo	Châu	Nữ	01/08/2010	10A06	Văn, Toán, Anh, Vật lí
2	000098	Hà Nguyễn Bảo	Châu	Nữ	03/10/2010	10A07	Văn, Toán, Anh, Vật lí
3	000099	Hồ Ngọc Minh	Châu	Nữ	29/05/2010	10A06	Văn, Toán, Anh, Vật lí
4	000100	Lê Nguyễn Bảo	Châu	Nữ	23/10/2010	10A15	Văn, Toán, Anh, Vật lí
5	000101	Nguyễn Bảo Tâm	Châu	Nữ	20/03/2010	10A15	Văn, Toán, Anh, Vật lí
6	000102	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	Nữ	06/06/2010	10A03	Văn, Toán, Anh, Vật lí
7	000103	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	Nữ	12/08/2010	10A04	Văn, Toán, Anh, Vật lí
8	000104	Trịnh Bảo	Châu	Nữ	02/12/2010	10A04	Văn, Toán, Anh, Vật lí
9	000105	Vũ Ngọc Minh	Châu	Nữ	31/07/2010	10A09	Văn, Toán, Anh, Vật lí
10	000106	Vũ Trần Minh	Châu	Nữ	23/09/2010	10A05	Văn, Toán, Anh, Vật lí
11	000107	Bùi Đào Yến	Chi	Nữ	28/08/2010	10A14	Văn, Toán, Anh, Vật lí
12	000108	Nguyễn Trần Hà	Chi	Nữ	09/07/2010	10A12	Văn, Toán, Anh, Vật lí
13	000109	Trần Thị Quỳnh	Chi	Nữ	21/02/2010	10A07	Văn, Toán, Anh, Vật lí
14	000110	Võ Trang	Chi	Nữ	11/02/2010	10A08	Văn, Toán, Anh, Vật lí
15	000111	Nguyễn Phạm Đình	Chiến	Nam	07/08/2010	10A05	Văn, Toán, Anh, Vật lí
16	000112	Nguyễn Gia	Cường	Nam	23/02/2010	10A06	Văn, Toán, Anh, Vật lí
17	000113	Nguyễn Ngọc	Diễm	Nữ	23/03/2010	10A08	Văn, Toán, Anh, Vật lí
18	000114	Nguyễn Hoàng Ngọc	Diệp	Nữ	11/06/2010	10A06	Văn, Toán, Anh, Vật lí
19	000115	Đinh Phương	Dung	Nữ	10/03/2010	10A03	Văn, Toán, Anh, Vật lí
20	000116	Nguyễn Thùy	Dung	Nữ	15/02/2010	10A04	Văn, Toán, Anh, Vật lí
21	000117	Đào Xuân	Dũng	Nam	22/07/2010	10A11	Văn, Toán, Anh, Vật lí
22	000118	Lê Minh	Dũng	Nam	07/03/2010	10A10	Văn, Toán, Anh, Vật lí
23	000119	Nguyễn Đăng	Dũng	Nam	06/09/2010	10A08	Văn, Toán, Anh, Vật lí
24	000120	Nguyễn Đăng	Dũng	Nam	21/07/2010	10A12	Văn, Toán, Anh, Vật lí

Danh sách này có 24 học sinh.

TRƯỜNG THPT TRẦN BIÊN
KT,ĐG ĐỊNH KỲ CUỐI HK 1

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 6 - Khối 10

Khóa ngày: 29/12/2025

TT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi
1	000121	Nguyễn Hoàng Dũng	Nam	19/01/2010	10A13	Văn, Toán, Anh, Vật lí
2	000122	Nguyễn Văn Tiến Dũng	Nam	08/09/2010	10A15	Văn, Toán, Anh, Vật lí
3	000123	Phạm Tấn Dũng	Nam	06/03/2010	10A10	Văn, Toán, Anh, Vật lí
4	000124	Huỳnh Khánh Duy	Nam	09/10/2008	10A11	Văn, Toán, Anh, Vật lí
5	000125	Lâm Tú Duy	Nam	22/01/2010	10A04	Văn, Toán, Anh, Vật lí
6	000126	Lê Đức Duy	Nam	31/01/2010	10A05	Văn, Toán, Anh, Vật lí
7	000127	Nguyễn Đăng Duy	Nam	09/11/2010	10A09	Văn, Toán, Anh, Vật lí
8	000128	Nguyễn Nhật Duy	Nam	15/02/2010	10A07	Văn, Toán, Anh, Vật lí
9	000129	Trần Bảo Duy	Nam	23/02/2010	10A07	Văn, Toán, Anh, Vật lí
10	000130	Võ Thành Duy	Nam	30/07/2010	10A02	Văn, Toán, Anh, Vật lí
11	000131	Nguyễn Hoàng Thùy Duyên	Nữ	11/08/2010	10A04	Văn, Toán, Anh, Vật lí
12	000132	Nguyễn Hoàng Thùy Dương	Nữ	11/08/2010	10A09	Văn, Toán, Anh, Vật lí
13	000133	Nguyễn Ngọc Thùy Dương	Nữ	19/10/2010	10A15	Văn, Toán, Anh, Vật lí
14	000134	Nguyễn Thị Ánh Dương	Nữ	22/03/2010	10A06	Văn, Toán, Anh, Vật lí
15	000135	Nguyễn Thùy Dương	Nữ	15/11/2009	10A11	Văn, Toán, Anh, Vật lí
16	000136	Trần Đức Dương	Nam	24/05/2009	10A08	Văn, Toán, Anh, Vật lí
17	000137	Nguyễn Linh Đan	Nữ	10/05/2010	10A07	Văn, Toán, Anh, Vật lí
18	000138	Nguyễn Dương Anh Đào	Nữ	13/04/2010	10A07	Văn, Toán, Anh, Vật lí
19	000139	Đinh Tiến Đạt	Nam	04/11/2010	10A13	Văn, Toán, Anh, Vật lí
20	000140	Lê Hữu Minh Đạt	Nam	05/01/2010	10A02	Văn, Toán, Anh, Vật lí
21	000141	Nguyễn Minh Đạt	Nam	14/07/2010	10A01	Văn, Toán, Anh, Vật lí
22	000142	Nguyễn Tấn Đạt	Nam	03/11/2010	10A09	Văn, Toán, Anh, Vật lí
23	000143	Nguyễn Thành Đạt	Nam	03/01/2010	10A04	Văn, Toán, Anh, Vật lí
24	000144	Nguyễn Thành Đạt	Nam	22/03/2010	10A12	Văn, Toán, Anh, Vật lí

Danh sách này có 24 học sinh.

TRƯỜNG THPT TRẦN BIÊN
KT,ĐG ĐỊNH KỲ CUỐI HK 1

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 7 - Khối 10

Khóa ngày: 29/12/2025

TT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi
1	000145	Trần Đức	Đạt	Nam	31/10/2010	10A01	Văn, Toán, Anh, Vật lí
2	000146	Trần Gia	Đạt	Nam	02/07/2010	10A12	Văn, Toán, Anh, Vật lí
3	000147	Trần Thành	Đạt	Nam	02/11/2010	10A11	Văn, Toán, Anh, Vật lí
4	000148	Trịnh Nguyễn Thành	Đạt	Nam	31/08/2010	10A15	Văn, Toán, Anh, Vật lí
5	000149	Trương Đức	Đạt	Nam	15/03/2010	10A13	Văn, Toán, Anh, Vật lí
6	000150	Võ Quang	Đạt	Nam	22/02/2010	10A05	Văn, Toán, Anh, Vật lí
7	000151	Vũ Lam	Đình	Nữ	16/06/2010	10A15	Văn, Toán, Anh, Vật lí
8	000152	Trần Văn	Định	Nam	10/02/2010	10A09	Văn, Toán, Anh, Vật lí
9	000153	Đỗ Ngọc Minh	Đức	Nam	29/09/2010	10A01	Văn, Toán, Anh, Vật lí
10	000154	Nguyễn Dương Đình	Đức	Nam	25/09/2010	10A03	Văn, Toán, Anh, Vật lí
11	000155	Nguyễn Minh	Đức	Nam	05/01/2010	10A05	Văn, Toán, Anh, Vật lí
12	000156	Hồ Ngọc	Giang	Nữ	01/02/2010	10A09	Văn, Toán, Anh, Vật lí
13	000157	Ngô Thị Châu	Giang	Nữ	20/12/2010	10A06	Văn, Toán, Anh, Vật lí
14	000158	Nguyễn Phạm Châu	Giang	Nữ	04/11/2010	10A12	Văn, Toán, Anh, Vật lí
15	000159	Trần Thị Trà	Giang	Nữ	21/07/2010	10A15	Văn, Toán, Anh, Vật lí
16	000160	Đỗ Vũ Quỳnh	Giao	Nữ	02/02/2010	10A11	Văn, Toán, Anh, Vật lí
17	000161	Nguyễn Diệp Quỳnh	Giao	Nữ	17/11/2010	10A15	Văn, Toán, Anh, Vật lí
18	000162	Huỳnh Đoàn Nguyên	Giáp	Nam	11/10/2010	10A01	Văn, Toán, Anh, Vật lí
19	000163	Hồ Ngọc	Hà	Nữ	08/06/2010	10A11	Văn, Toán, Anh, Vật lí
20	000164	Lê Thanh	Hà	Nữ	01/04/2010	10A04	Văn, Toán, Anh, Vật lí
21	000165	Nguyễn Phạm Khánh	Hà	Nữ	16/03/2010	10A06	Văn, Toán, Anh, Vật lí
22	000166	Nguyễn Thu	Hà	Nữ	21/12/2010	10A09	Văn, Toán, Anh, Vật lí
23	000167	Phạm Quang	Hà	Nam	03/08/2010	10A02	Văn, Toán, Anh, Vật lí
24	000168	Trần Khánh	Hà	Nữ	15/03/2010	10A14	Văn, Toán, Anh, Vật lí

Danh sách này có 24 học sinh.

TRƯỜNG THPT TRẦN BIÊN
KT,ĐG ĐỊNH KỲ CUỐI HK 1

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 8 - Khối 10

Khóa ngày: 29/12/2025

TT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi
1	000169	Trịnh Ngọc Ngân	Hà	Nữ	04/12/2010	10A12	Văn, Toán, Anh, Vật lí
2	000170	Dương Ngọc	Hải	Nam	22/09/2010	10A13	Văn, Toán, Anh, Vật lí
3	000171	Nguyễn Đức	Hải	Nam	23/07/2010	10A06	Văn, Toán, Anh, Vật lí
4	000172	Hồ Hữu	Hạnh	Nam	06/02/2010	10A15	Văn, Toán, Anh, Vật lí
5	000173	Hồ Nguyễn Minh	Hạnh	Nữ	03/03/2010	10A09	Văn, Toán, Anh, Vật lí
6	000174	Lê Minh	Hạnh	Nữ	29/04/2010	10A14	Văn, Toán, Anh, Vật lí
7	000175	Nguyễn Anh	Hào	Nam	04/12/2010	10A04	Văn, Toán, Anh, Vật lí
8	000176	Nguyễn Đức	Hào	Nam	10/03/2010	10A06	Văn, Toán, Anh, Vật lí
9	000177	Bùi Ngọc Minh	Hằng	Nữ	31/10/2010	10A11	Văn, Toán, Anh, Vật lí
10	000178	Nguyễn Lưu Thanh	Hằng	Nữ	22/12/2010	10A09	Văn, Toán, Anh, Vật lí
11	000179	Bùi Nguyễn Gia	Hân	Nữ	16/08/2010	10A15	Văn, Toán, Anh, Vật lí
12	000180	Hoàng Ngọc	Hân	Nữ	25/07/2010	10A15	Văn, Toán, Anh, Vật lí
13	000181	Lê Ngọc	Hân	Nữ	07/10/2010	10A07	Văn, Toán, Anh, Vật lí
14	000182	Nguyễn Ngọc	Hân	Nữ	14/03/2010	10A10	Văn, Toán, Anh, Vật lí
15	000183	Nguyễn Phạm Gia	Hân	Nữ	10/05/2010	10A04	Văn, Toán, Anh, Vật lí
16	000184	Phạm Bảo	Hân	Nữ	01/10/2010	10A11	Văn, Toán, Anh, Vật lí
17	000185	Trần Gia	Hân	Nữ	01/05/2010	10A03	Văn, Toán, Anh, Vật lí
18	000186	Trần Gia	Hân	Nữ	03/05/2010	10A13	Văn, Toán, Anh, Vật lí
19	000187	Dương Thị Thu	Hiền	Nữ	14/06/2010	10A15	Văn, Toán, Anh, Vật lí
20	000188	Đinh Nguyễn Thúy	Hiền	Nữ	19/02/2010	10A08	Văn, Toán, Anh, Vật lí
21	000189	Nguyễn Minh	Hiền	Nam	31/07/2010	10A02	Văn, Toán, Anh, Vật lí
22	000190	Đàm	Hiếu	Nam	17/11/2010	10A13	Văn, Toán, Anh, Vật lí
23	000191	Đầu Khắc Lâm	Hiếu	Nam	30/12/2010	10A08	Văn, Toán, Anh, Vật lí
24	000192	Nguyễn Lâm	Hiếu	Nam	24/12/2010	10A01	Văn, Toán, Anh, Vật lí

Danh sách này có 24 học sinh.

TRƯỜNG THPT TRẦN BIÊN
KT,ĐG ĐỊNH KỲ CUỐI HK 1

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 9 - Khối 10

Khóa ngày: 29/12/2025

TT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi
1	000193	Nguyễn Trần Duy	Hiếu	Nam	28/10/2010	10A15	Văn, Toán, Anh, Vật lí
2	000194	Nguyễn Văn	Hiếu	Nam	05/01/2010	10A14	Văn, Toán, Anh, Vật lí
3	000195	Trần Huy	Hiếu	Nam	28/01/2010	10A06	Văn, Toán, Anh, Vật lí
4	000196	Trịnh Trung	Hiếu	Nam	13/06/2010	10A06	Văn, Toán, Anh, Vật lí
5	000197	Lê Hữu Minh	Hoàng	Nam	14/05/2010	10A06	Văn, Toán, Anh, Vật lí
6	000198	Ngô Văn	Hoàng	Nam	16/08/2010	10A01	Văn, Toán, Anh, Vật lí
7	000199	Ngô Việt	Hoàng	Nam	19/06/2010	10A09	Văn, Toán, Anh, Vật lí
8	000200	Nguyễn Bảo	Hoàng	Nam	17/05/2010	10A11	Văn, Toán, Anh, Vật lí
9	000201	Nguyễn Gia	Hoàng	Nam	24/10/2010	10A07	Văn, Toán, Anh, Vật lí
10	000202	Nguyễn Huỳnh Nhật	Hoàng	Nam	22/12/2010	10A03	Văn, Toán, Anh, Vật lí
11	000203	Nguyễn Việt	Hoàng	Nam	07/01/2010	10A14	Văn, Toán, Anh, Vật lí
12	000204	Phạm Văn	Hoàng	Nam	12/01/2010	10A02	Văn, Toán, Anh, Vật lí
13	000205	Nguyễn Lam	Hồng	Nữ	17/11/2010	10A10	Văn, Toán, Anh, Vật lí
14	000206	Bùi Huy	Hùng	Nam	24/12/2010	10A02	Văn, Toán, Anh, Vật lí
15	000207	Đào Mạnh	Hùng	Nam	26/08/2010	10A10	Văn, Toán, Anh, Vật lí
16	000208	Lại Vương Quốc	Hùng	Nam	26/02/2010	10A05	Văn, Toán, Anh, Vật lí
17	000209	Phan Đình	Hùng	Nam	13/01/2010	10A07	Văn, Toán, Anh, Vật lí
18	000210	Nguyễn Đức Minh	Huy	Nam	20/08/2010	10A06	Văn, Toán, Anh, Vật lí
19	000211	Nguyễn Gia	Huy	Nam	11/08/2010	10A03	Văn, Toán, Anh, Vật lí
20	000212	Nguyễn Xuân	Huy	Nam	09/07/2010	10A11	Văn, Toán, Anh, Vật lí
21	000213	Phùng Phạm Gia	Huy	Nam	13/01/2010	10A07	Văn, Toán, Anh, Vật lí
22	000214	Thịnh Minh	Huy	Nam	13/08/2010	10A01	Văn, Toán, Anh, Vật lí
23	000215	Trần Công	Huy	Nam	12/12/2010	10A11	Văn, Toán, Anh, Vật lí
24	000216	Vũ Gia	Huy	Nam	08/09/2009	10A12	Văn, Toán, Anh, Vật lí

Danh sách này có 24 học sinh.

TRƯỜNG THPT TRẦN BIÊN
KT,ĐG ĐỊNH KỲ CUỐI HK 1

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 10 - Khối 10

Khóa ngày: 29/12/2025

TT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi
1	000217	Đinh Thanh	Huyền	Nữ	15/05/2010	10A09	Văn, Toán, Anh, Vật lí
2	000218	Huỳnh Thảo	Huyền	Nữ	28/03/2010	10A09	Văn, Toán, Anh, Vật lí
3	000219	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	05/04/2010	10A11	Văn, Toán, Anh, Vật lí
4	000220	Trần Đặng Khánh	Huyền	Nữ	02/07/2010	10A10	Văn, Toán, Anh, Vật lí
5	000221	Trần Thanh	Huyền	Nữ	23/04/2010	10A05	Văn, Toán, Anh, Vật lí
6	000222	Trần Thị Khánh	Huyền	Nữ	11/12/2010	10A02	Văn, Toán, Anh, Vật lí
7	000223	Đỗ Minh	Hương	Nữ	19/05/2010	10A11	Văn, Toán, Anh, Vật lí
8	000224	Lê Thị Thu	Hương	Nữ	26/09/2010	10A07	Văn, Toán, Anh, Vật lí
9	000225	Nguyễn Phạm Quỳnh	Hương	Nữ	16/09/2010	10A02	Văn, Toán, Anh, Vật lí
10	000226	Nguyễn Phạm Thu	Hương	Nữ	21/10/2010	10A05	Văn, Toán, Anh, Vật lí
11	000227	Nguyễn Quỳnh	Hương	Nữ	05/04/2010	10A10	Văn, Toán, Anh, Vật lí
12	000228	Phạm Lan	Hương	Nữ	06/07/2010	10A14	Văn, Toán, Anh, Vật lí
13	000229	Trần Thiên	Hữu	Nam	01/10/2010	10A12	Văn, Toán, Anh, Vật lí
14	000230	Nguyễn Khang	Hy	Nam	24/12/2010	10A04	Văn, Toán, Anh, Vật lí
15	000231	Bùi Ngọc Nguyên	Kha	Nam	16/09/2010	10A15	Văn, Toán, Anh, Vật lí
16	000232	Nguyễn Ngọc Phương	Kha	Nữ	02/06/2010	10A09	Văn, Toán, Anh, Vật lí
17	000233	Phùng Tuấn	Khải	Nam	14/04/2010	10A04	Văn, Toán, Anh, Vật lí
18	000234	Hoàng Phúc	Khang	Nam	05/06/2010	10A09	Văn, Toán, Anh, Vật lí
19	000235	Huỳnh Đoàn Đình	Khang	Nam	21/04/2010	10A12	Văn, Toán, Anh, Vật lí
20	000236	Huỳnh Minh	Khang	Nam	27/04/2010	10A07	Văn, Toán, Anh, Vật lí
21	000237	Lý Duy	Khang	Nam	12/10/2010	10A10	Văn, Toán, Anh, Vật lí
22	000238	Nguyễn Minh	Khang	Nam	25/08/2010	10A15	Văn, Toán, Anh, Vật lí
23	000239	Phùng Bá	Khang	Nam	27/10/2010	10A12	Văn, Toán, Anh, Vật lí
24	000240	Trần Phúc	Khang	Nam	17/02/2010	10A06	Văn, Toán, Anh, Vật lí

Danh sách này có 24 học sinh.

TRƯỜNG THPT TRẦN BIÊN
KT,ĐG ĐỊNH KỲ CUỐI HK 1

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 11 - Khối 10

Khóa ngày: 29/12/2025

TT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi
1	000241	Nguyễn Tuấn	Khanh	Nam	02/02/2010	10A01	Văn, Toán, Anh, Vật lí
2	000242	Nguyễn Tuấn	Khanh	Nam	25/02/2010	10A02	Văn, Toán, Anh, Vật lí
3	000243	Nguyễn Vương Vi	Khanh	Nữ	24/01/2010	10A07	Văn, Toán, Anh, Vật lí
4	000244	Lê Nam	Khánh	Nam	24/04/2010	10A03	Văn, Toán, Anh, Vật lí
5	000245	Lê Nhật	Khánh	Nam	08/02/2010	10A09	Văn, Toán, Anh, Vật lí
6	000246	Lê Quốc	Khánh	Nam	02/09/2010	10A03	Văn, Toán, Anh, Vật lí
7	000247	Nguyễn Dương	Khánh	Nam	12/11/2010	10A14	Văn, Toán, Anh, Vật lí
8	000248	Phạm Duy	Khánh	Nam	16/04/2010	10A06	Văn, Toán, Anh, Vật lí
9	000249	Đỗ Anh	Khoa	Nam	24/06/2010	10A11	Văn, Toán, Anh, Vật lí
10	000250	Hoàng Anh	Khoa	Nam	10/06/2010	10A15	Văn, Toán, Anh, Vật lí
11	000251	Lê Đăng	Khoa	Nam	28/09/2010	10A02	Văn, Toán, Anh, Vật lí
12	000252	Nguyễn Duy	Khoa	Nam	18/04/2010	10A09	Văn, Toán, Anh, Vật lí
13	000253	Nguyễn Ngọc Anh	Khoa	Nam	12/04/2010	10A06	Văn, Toán, Anh, Vật lí
14	000254	Phạm Trần Đăng	Khoa	Nam	24/05/2010	10A14	Văn, Toán, Anh, Vật lí
15	000255	Võ Anh	Khoa	Nam	10/02/2010	10A06	Văn, Toán, Anh, Vật lí
16	000256	Vũ Đức	Khoa	Nam	25/12/2010	10A01	Văn, Toán, Anh, Vật lí
17	000257	Bùi Thế Đăng	Khôi	Nam	30/09/2010	10A06	Văn, Toán, Anh, Vật lí
18	000258	Lê Anh	Khôi	Nam	11/01/2010	10A07	Văn, Toán, Anh, Vật lí
19	000259	Ngô Xuân	Khôi	Nam	05/05/2010	10A14	Văn, Toán, Anh, Vật lí
20	000260	Trần Minh	Khôi	Nam	31/08/2010	10A04	Văn, Toán, Anh, Vật lí
21	000261	Vũ Đăng	Khôi	Nam	10/03/2010	10A15	Văn, Toán, Anh, Vật lí
22	000262	Hà Lê Tuấn	Kiệt	Nam	24/08/2010	10A08	Văn, Toán, Anh, Vật lí
23	000263	Nguyễn Đức Anh	Kiệt	Nam	25/05/2010	10A02	Văn, Toán, Anh, Vật lí
24	000264	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Nam	26/10/2010	10A03	Văn, Toán, Anh, Vật lí

Danh sách này có 24 học sinh.

TRƯỜNG THPT TRẦN BIÊN
KT,ĐG ĐỊNH KỲ CUỐI HK 1

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 12 - Khối 10

Khóa ngày: 29/12/2025

TT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi
1	000265	Nguyễn Tuấn Kiệt	Nam	04/09/2010	10A07	Văn, Toán, Anh, Vật lí
2	000266	Trần Trí Anh Kiệt	Nam	29/03/2010	10A13	Văn, Toán, Anh, Vật lí
3	000267	Phạm Ngọc Thiên Kim	Nữ	16/01/2010	10A03	Văn, Toán, Anh, Vật lí
4	000268	Trương Quỳnh Phương Kim	Nữ	22/08/2010	10A08	Văn, Toán, Anh, Vật lí
5	000269	Hoàng Mạc Nhã Kỳ	Nữ	19/01/2010	10A01	Văn, Toán, Anh, Vật lí
6	000270	Nguyễn Phương Lam	Nữ	29/03/2010	10A15	Văn, Toán, Anh, Vật lí
7	000271	Lê Thùy Lan	Nữ	25/04/2010	10A10	Văn, Toán, Anh, Vật lí
8	000272	Nguyễn Hoàng Mai Lan	Nữ	15/01/2010	10A01	Văn, Toán, Anh, Vật lí
9	000273	Phạm Ngọc Lan	Nữ	28/11/2010	10A05	Văn, Toán, Anh, Vật lí
10	000274	Trương Ngọc Lan	Nữ	13/03/2010	10A05	Văn, Toán, Anh, Vật lí
11	000275	Lê Thùy Lâm	Nữ	25/04/2010	10A10	Văn, Toán, Anh, Vật lí
12	000276	Nguyễn Ái Lâm	Nữ	01/11/2010	10A09	Văn, Toán, Anh, Vật lí
13	000277	Nguyễn Hải Lâm	Nam	29/01/2010	10A06	Văn, Toán, Anh, Vật lí
14	000278	Nguyễn Quốc Lâm	Nam	17/03/2010	10A05	Văn, Toán, Anh, Vật lí
15	000279	Phạm Vũ Phước Lâm	Nam	19/10/2010	10A02	Văn, Toán, Anh, Vật lí
16	000280	Phan Hoàng Lâm	Nam	12/09/2010	10A02	Văn, Toán, Anh, Vật lí
17	000281	Trương Bảo Lâm	Nam	03/05/2010	10A07	Văn, Toán, Anh, Vật lí
18	000282	Đào Nguyễn Ngân Linh	Nữ	06/03/2009	10A01	Văn, Toán, Anh, Vật lí
19	000283	Đinh Hà Gia Linh	Nữ	23/06/2010	10A15	Văn, Toán, Anh, Vật lí
20	000284	Đoàn Phương Linh	Nữ	17/12/2009	10A10	Văn, Toán, Anh, Vật lí
21	000285	Đỗ Doãn Khánh Linh	Nữ	03/01/2010	10A14	Văn, Toán, Anh, Vật lí
22	000286	Lê Vũ Khánh Linh	Nữ	23/05/2010	10A07	Văn, Toán, Anh, Vật lí
23	000287	Ngô Thị Khánh Linh	Nữ	18/12/2010	10A11	Văn, Toán, Anh, Vật lí
24	000288	Nguyễn Hoàng Ngọc Linh	Nữ	19/03/2010	10A14	Văn, Toán, Anh, Vật lí

Danh sách này có 24 học sinh.

TRƯỜNG THPT TRẦN BIÊN
KT,ĐG ĐỊNH KỲ CUỐI HK 1

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 13 - Khối 10

Khóa ngày: 29/12/2025

TT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi
1	000289	Nguyễn Khánh Linh	Nữ	18/07/2010	10A06	Văn, Toán, Anh, Vật lí
2	000290	Nguyễn Ngọc Bảo Linh	Nữ	08/10/2010	10A11	Văn, Toán, Anh, Vật lí
3	000291	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	Nữ	19/08/2010	10A06	Văn, Toán, Anh, Vật lí
4	000292	Nguyễn Phương Linh	Nữ	16/11/2010	10A02	Văn, Toán, Anh, Vật lí
5	000293	Phạm Gia Linh	Nữ	21/11/2010	10A12	Văn, Toán, Anh, Vật lí
6	000294	Phạm Trần Phương Linh	Nữ	11/04/2010	10A11	Văn, Toán, Anh, Vật lí
7	000295	Phạm Vũ Hải Linh	Nữ	20/11/2010	10A09	Văn, Toán, Anh, Vật lí
8	000296	Phạm Yến Linh	Nữ	18/01/2010	10A08	Văn, Toán, Anh, Vật lí
9	000297	Trần Lê Khánh Linh	Nữ	02/04/2010	10A03	Văn, Toán, Anh, Vật lí
10	000298	Trần Ngọc Linh	Nữ	12/07/2010	10A12	Văn, Toán, Anh, Vật lí
11	000299	Trần Thị Ngọc Linh	Nữ	16/05/2010	10A07	Văn, Toán, Anh, Vật lí
12	000300	Từ Thị Hà Linh	Nữ	15/06/2010	10A14	Văn, Toán, Anh, Vật lí
13	000301	Vũ Ngọc Phương Linh	Nữ	05/04/2010	10A02	Văn, Toán, Anh, Vật lí
14	000302	Vũ Nhật Linh	Nữ	07/05/2010	10A05	Văn, Toán, Anh, Vật lí
15	000303	Vũ Thùy Linh	Nữ	13/05/2010	10A03	Văn, Toán, Anh, Vật lí
16	000304	Đỗ Thiên Lĩnh	Nam	24/04/2010	10A12	Văn, Toán, Anh, Vật lí
17	000305	Bùi Phi Long	Nam	12/10/2010	10A04	Văn, Toán, Anh, Vật lí
18	000306	Ngô Hoàng Long	Nam	22/02/2010	10A14	Văn, Toán, Anh, Vật lí
19	000307	Nguyễn Duy Long	Nam	02/02/2010	10A06	Văn, Toán, Anh, Vật lí
20	000308	Nguyễn Hồ Hoàng Long	Nam	27/02/2010	10A09	Văn, Toán, Anh, Vật lí
21	000309	Phạm Tiến Long	Nam	22/11/2010	10A07	Văn, Toán, Anh, Vật lí
22	000310	Nguyễn Tài Lộc	Nam	17/11/2010	10A09	Văn, Toán, Anh, Vật lí
23	000311	Vũ Nguyễn Tuấn Lộc	Nam	15/10/2010	10A14	Văn, Toán, Anh, Vật lí
24	000312	Đồng Thị Ngọc Ly	Nữ	06/11/2010	10A14	Văn, Toán, Anh, Vật lí

Danh sách này có 24 học sinh.

TRƯỜNG THPT TRẦN BIÊN
KT,ĐG ĐỊNH KỲ CUỐI HK 1

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 14 - Khối 10

Khóa ngày: 29/12/2025

TT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi
1	000313	Vũ Ngọc	Ly	Nữ	08/04/2010	10A03	Văn, Toán, Anh, Vật lí
2	000314	Lê Đỗ Ngọc	Mai	Nữ	14/08/2010	10A01	Văn, Toán, Anh, Vật lí
3	000315	Lương Hà Ngọc	Mai	Nữ	14/05/2010	10A08	Văn, Toán, Anh, Vật lí
4	000316	Trần Thị Hoàng	Mai	Nữ	31/03/2010	10A09	Văn, Toán, Anh, Vật lí
5	000317	Dương Quốc	Minh	Nam	16/08/2010	10A07	Văn, Toán, Anh, Vật lí
6	000318	Đào Ngọc Minh	Minh	Nữ	29/08/2010	10A04	Văn, Toán, Anh, Vật lí
7	000319	Đặng Ngọc Thu	Minh	Nữ	12/09/2010	10A13	Văn, Toán, Anh, Vật lí
8	000320	Đặng Tuệ	Minh	Nam	04/02/2010	10A04	Văn, Toán, Anh, Vật lí
9	000321	Đỗ Lê Quang	Minh	Nam	09/02/2010	10A11	Văn, Toán, Anh, Vật lí
10	000322	Đỗ Quang	Minh	Nam	30/09/2010	10A07	Văn, Toán, Anh, Vật lí
11	000323	Lê Đức	Minh	Nam	19/05/2010	10A08	Văn, Toán, Anh, Vật lí
12	000324	Lê Quảng Hiền	Minh	Nữ	15/02/2010	10A14	Văn, Toán, Anh, Vật lí
13	000325	Nguyễn Nhật	Minh	Nam	05/04/2010	10A03	Văn, Toán, Anh, Vật lí
14	000326	Nguyễn Quang	Minh	Nam	07/10/2010	10A05	Văn, Toán, Anh, Vật lí
15	000327	Nguyễn Vũ Tiến	Minh	Nam	28/04/2010	10A07	Văn, Toán, Anh, Vật lí
16	000328	Trần Hồng	Minh	Nam	03/04/2010	10A02	Văn, Toán, Anh, Vật lí
17	000329	Vũ Trần Anh	Minh	Nam	10/02/2010	10A11	Văn, Toán, Anh, Vật lí
18	000330	Lê Thảo	My	Nữ	15/09/2010	10A01	Văn, Toán, Anh, Vật lí
19	000331	Nguyễn Hoàng	My	Nữ	07/03/2010	10A14	Văn, Toán, Anh, Vật lí
20	000332	Nguyễn Lê Hà	My	Nữ	19/07/2010	10A15	Văn, Toán, Anh, Vật lí
21	000333	Nguyễn Ngọc Thảo	My	Nữ	25/04/2010	10A02	Văn, Toán, Anh, Vật lí
22	000334	Nguyễn Trà	My	Nữ	15/07/2010	10A06	Văn, Toán, Anh, Vật lí
23	000335	Nguyễn Trần Thảo	My	Nữ	22/04/2010	10A08	Văn, Toán, Anh, Vật lí
24	000336	Phạm Lê Thảo	My	Nữ	10/01/2010	10A05	Văn, Toán, Anh, Vật lí

Danh sách này có 24 học sinh.

TRƯỜNG THPT TRẦN BIÊN
KT,ĐG ĐỊNH KỲ CUỐI HK 1

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 15 - Khối 10

Khóa ngày: 29/12/2025

TT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi
1	000337	Phạm Ngọc Khánh	My	Nữ	28/01/2010	10A14	Văn, Toán, Anh, Vật lí
2	000338	Phạm Thảo	My	Nữ	13/04/2010	10A04	Văn, Toán, Anh, Vật lí
3	000339	Trần Nguyễn Nhật	My	Nữ	01/01/2010	10A10	Văn, Toán, Anh, Vật lí
4	000340	Võ Trần Nhật	Mỹ	Nữ	01/01/2010	10A13	Văn, Toán, Anh, Vật lí
5	000341	Phan Duy An	Na	Nữ	01/02/2010	10A13	Văn, Toán, Anh, Vật lí
6	000342	Đặng Hồng	Nam	Nam	15/10/2010	10A04	Văn, Toán, Anh, Vật lí
7	000343	Đồng Bảo	Nam	Nam	20/02/2010	10A14	Văn, Toán, Anh, Vật lí
8	000344	Nguyễn Bảo	Nam	Nam	01/01/2010	10A13	Văn, Toán, Anh, Vật lí
9	000345	Nguyễn Hoàng	Nam	Nam	29/12/2010	10A04	Văn, Toán, Anh, Vật lí
10	000346	Nguyễn Lê Bảo	Nam	Nam	03/10/2010	10A12	Văn, Toán, Anh, Vật lí
11	000347	Nguyễn Thành	Nam	Nam	14/06/2010	10A04	Văn, Toán, Anh, Vật lí
12	000348	Trần Bảo	Nam	Nam	26/01/2010	10A08	Văn, Toán, Anh, Vật lí
13	000349	Cao Phạm Thu	Nga	Nữ	22/06/2010	10A14	Văn, Toán, Anh, Vật lí
14	000350	Chu Thị Kim	Ngân	Nữ	19/07/2010	10A05	Văn, Toán, Anh, Vật lí
15	000351	Hoàng Võ Mỹ	Ngân	Nữ	19/03/2010	10A01	Văn, Toán, Anh, Vật lí
16	000352	Huỳnh Ngọc Hà	Ngân	Nữ	02/07/2010	10A15	Văn, Toán, Anh, Vật lí
17	000353	Lê Thanh	Ngân	Nữ	31/10/2010	10A13	Văn, Toán, Anh, Vật lí
18	000354	Lưu Diệp Hải	Ngân	Nữ	24/09/2010	10A12	Văn, Toán, Anh, Vật lí
19	000355	Mai Nguyễn Kim	Ngân	Nữ	03/03/2010	10A08	Văn, Toán, Anh, Vật lí
20	000356	Nguyễn Ngọc Khánh	Ngân	Nữ	15/09/2010	10A04	Văn, Toán, Anh, Vật lí
21	000357	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	09/01/2010	10A02	Văn, Toán, Anh, Vật lí
22	000358	Nguyễn Thùy Ngọc	Ngân	Nữ	11/01/2010	10A08	Văn, Toán, Anh, Vật lí
23	000359	Vũ Khánh	Ngân	Nữ	17/01/2010	10A15	Văn, Toán, Anh, Vật lí
24	000360	Bùi Uyên	Nghi	Nữ	07/06/2010	10A09	Văn, Toán, Anh, Vật lí

Danh sách này có 24 học sinh.

TRƯỜNG THPT TRẦN BIÊN
KT,ĐG ĐỊNH KỲ CUỐI HK 1

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 16 - Khối 10

Khóa ngày: 29/12/2025

TT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi
1	000361	Lê Xuân	Nghi	Nữ	02/09/2010	10A02	Văn, Toán, Anh, Vật lí
2	000362	Lương Mẫn	Nghi	Nữ	05/11/2010	10A14	Văn, Toán, Anh, Vật lí
3	000363	Nguyễn Hà Gia	Nghi	Nữ	28/04/2010	10A01	Văn, Toán, Anh, Vật lí
4	000364	Nguyễn Trần Gia	Nghi	Nữ	20/02/2010	10A08	Văn, Toán, Anh, Vật lí
5	000365	Nguyễn Phú Khương	Nghị	Nam	01/11/2010	10A08	Văn, Toán, Anh, Vật lí
6	000366	Tôn Trường	Nghĩa	Nam	30/08/2010	10A08	Văn, Toán, Anh, Vật lí
7	000367	Lê Châu Thảo	Ngọc	Nữ	06/07/2010	10A15	Văn, Toán, Anh, Vật lí
8	000368	Lê Hoàng Minh	Ngọc	Nữ	13/03/2010	10A07	Văn, Toán, Anh, Vật lí
9	000369	Lê Khánh	Ngọc	Nữ	18/08/2010	10A04	Văn, Toán, Anh, Vật lí
10	000370	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	Nữ	30/03/2010	10A15	Văn, Toán, Anh, Vật lí
11	000371	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	23/08/2010	10A15	Văn, Toán, Anh, Vật lí
12	000372	Nguyễn Vũ Bảo	Ngọc	Nữ	22/07/2010	10A08	Văn, Toán, Anh, Vật lí
13	000373	Nguyễn Vũ Khánh	Ngọc	Nữ	20/06/2010	10A07	Văn, Toán, Anh, Vật lí
14	000374	Phạm Đoàn Khánh	Ngọc	Nữ	09/04/2010	10A10	Văn, Toán, Anh, Vật lí
15	000375	Phạm Hoàng Bảo	Ngọc	Nữ	12/12/2010	10A10	Văn, Toán, Anh, Vật lí
16	000376	Phạm Khánh	Ngọc	Nữ	28/10/2010	10A07	Văn, Toán, Anh, Vật lí
17	000377	Phạm Lê Khánh	Ngọc	Nữ	25/04/2010	10A03	Văn, Toán, Anh, Vật lí
18	000378	Phạm Thị Bảo	Ngọc	Nữ	07/10/2010	10A13	Văn, Toán, Anh, Vật lí
19	000379	Phan Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	28/01/2010	10A03	Văn, Toán, Anh, Vật lí
20	000380	Phan Thanh Bảo	Ngọc	Nữ	06/02/2010	10A03	Văn, Toán, Anh, Vật lí
21	000381	Hoàng Tú	Nguyên	Nữ	26/06/2010	10A03	Văn, Toán, Anh, Vật lí
22	000382	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên	Nữ	25/04/2010	10A06	Văn, Toán, Anh, Vật lí
23	000383	Nguyễn Tất Khôi	Nguyên	Nam	16/02/2010	10A13	Văn, Toán, Anh, Vật lí
24	000384	Nguyễn Vũ Đan	Nguyên	Nam	27/03/2010	10A02	Văn, Toán, Anh, Vật lí

Danh sách này có 24 học sinh.

TRƯỜNG THPT TRẦN BIÊN
KT,ĐG ĐỊNH KỲ CUỐI HK 1

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 17 - Khối 10

Khóa ngày: 29/12/2025

TT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi
1	000385	Trần Khôi	Nguyên	Nữ	07/07/2010	10A05	Văn, Toán, Anh, Vật lí
2	000386	Đào Trần Minh	Nguyệt	Nữ	24/02/2010	10A12	Văn, Toán, Anh, Vật lí
3	000387	Tổng Hoàng Như	Nguyệt	Nữ	12/12/2010	10A05	Văn, Toán, Anh, Vật lí
4	000388	Vũ Minh	Nguyệt	Nữ	10/09/2010	10A14	Văn, Toán, Anh, Vật lí
5	000389	Trần Thị Thanh	Nhàn	Nữ	17/11/2010	10A09	Văn, Toán, Anh, Vật lí
6	000390	Nguyễn Trọng	Nhân	Nam	22/06/2010	10A01	Văn, Toán, Anh, Vật lí
7	000391	Bùi Minh	Nhật	Nam	13/07/2010	10A10	Văn, Toán, Anh, Vật lí
8	000392	Hoàng Minh	Nhật	Nam	24/04/2010	10A03	Văn, Toán, Anh, Vật lí
9	000393	Lê Minh	Nhật	Nam	10/10/2009	10A06	Văn, Toán, Anh, Vật lí
10	000394	Nguyễn Duy Minh	Nhật	Nam	06/03/2010	10A09	Văn, Toán, Anh, Vật lí
11	000395	Nguyễn Lâm Minh	Nhật	Nam	26/02/2010	10A03	Văn, Toán, Anh, Vật lí
12	000396	Nguyễn Minh	Nhật	Nam	12/07/2010	10A11	Văn, Toán, Anh, Vật lí
13	000397	Đặng Ngọc Tuệ	Nhi	Nữ	03/02/2010	10A09	Văn, Toán, Anh, Vật lí
14	000398	Đặng Ngọc Uyên	Nhi	Nữ	12/02/2010	10A03	Văn, Toán, Anh, Vật lí
15	000399	Hà Yến	Nhi	Nữ	04/03/2010	10A10	Văn, Toán, Anh, Vật lí
16	000400	Hồ Hoàng Phương	Nhi	Nữ	21/01/2010	10A03	Văn, Toán, Anh, Vật lí
17	000401	Huỳnh Thị Ý	Nhi	Nữ	13/08/2010	10A14	Văn, Toán, Anh, Vật lí
18	000402	Lê Thảo	Nhi	Nữ	05/02/2010	10A11	Văn, Toán, Anh, Vật lí
19	000403	Lê Yến	Nhi	Nữ	15/03/2010	10A12	Văn, Toán, Anh, Vật lí
20	000404	Nguyễn Ngọc Thảo	Nhi	Nữ	16/03/2010	10A14	Văn, Toán, Anh, Vật lí
21	000405	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	Nữ	16/05/2010	10A01	Văn, Toán, Anh, Vật lí
22	000406	Trần Gia Yến	Nhi	Nữ	26/06/2010	10A13	Văn, Toán, Anh, Vật lí
23	000407	Trần Hoàng Yến	Nhi	Nữ	09/01/2010	10A12	Văn, Toán, Anh, Vật lí
24	000408	Trần Lê Đông	Nhi	Nữ	13/02/2010	10A12	Văn, Toán, Anh, Vật lí

Danh sách này có 24 học sinh.

TRƯỜNG THPT TRẦN BIÊN
KT,ĐG ĐỊNH KỲ CUỐI HK 1

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 18 - Khối 10

Khóa ngày: 29/12/2025

TT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi
1	000409	Trần Thảo	Nhi	Nữ	18/01/2010	10A10	Văn, Toán, Anh, Vật lí
2	000410	Võ Hoài Thảo	Nhi	Nữ	15/09/2010	10A11	Văn, Toán, Anh, Vật lí
3	000411	Võ Xuân	Nhi	Nữ	27/11/2010	10A13	Văn, Toán, Anh, Vật lí
4	000412	Vũ Đỗ Phương	Nhi	Nữ	29/10/2010	10A07	Văn, Toán, Anh, Vật lí
5	000413	Ngô Thị Hồng	Nhung	Nữ	28/01/2010	10A13	Văn, Toán, Anh, Vật lí
6	000414	Nguyễn Hồng	Nhung	Nữ	14/06/2010	10A11	Văn, Toán, Anh, Vật lí
7	000415	Bùi Huỳnh Ngọc	Như	Nữ	17/12/2010	10A06	Văn, Toán, Anh, Vật lí
8	000416	Đinh Nguyễn Quỳnh	Như	Nữ	30/03/2010	10A10	Văn, Toán, Anh, Vật lí
9	000417	Đinh Tâm	Như	Nữ	25/06/2010	10A03	Văn, Toán, Anh, Vật lí
10	000418	Hà Ngọc Khánh	Như	Nữ	26/06/2010	10A07	Văn, Toán, Anh, Vật lí
11	000419	Hồ Trần Quỳnh	Như	Nữ	09/01/2010	10A07	Văn, Toán, Anh, Vật lí
12	000420	Nguyễn Gia	Như	Nữ	27/06/2010	10A07	Văn, Toán, Anh, Vật lí
13	000421	Nguyễn Mai Quỳnh	Như	Nữ	30/08/2010	10A11	Văn, Toán, Anh, Vật lí
14	000422	Nguyễn Quỳnh	Như	Nữ	20/05/2010	10A07	Văn, Toán, Anh, Vật lí
15	000423	Nguyễn Quỳnh	Như	Nữ	02/01/2010	10A09	Văn, Toán, Anh, Vật lí
16	000424	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	23/08/2010	10A14	Văn, Toán, Anh, Vật lí
17	000425	Phạm Quỳnh	Như	Nữ	13/04/2010	10A14	Văn, Toán, Anh, Vật lí
18	000426	Phan Thị Quỳnh	Như	Nữ	05/09/2010	10A15	Văn, Toán, Anh, Vật lí
19	000427	Trần Quỳnh	Như	Nữ	22/08/2010	10A02	Văn, Toán, Anh, Vật lí
20	000428	Vũ Quỳnh	Như	Nữ	30/05/2010	10A11	Văn, Toán, Anh, Vật lí
21	000429	Nguyễn	Phát	Nam	27/12/2010	10A15	Văn, Toán, Anh, Vật lí
22	000430	Nguyễn Hữu	Phát	Nam	04/01/2010	10A15	Văn, Toán, Anh, Vật lí
23	000431	Trần Tiến	Phát	Nam	05/01/2010	10A07	Văn, Toán, Anh, Vật lí
24	000432	Đỗ Thanh	Phong	Nam	18/09/2010	10A13	Văn, Toán, Anh, Vật lí

Danh sách này có 24 học sinh.

TRƯỜNG THPT TRẦN BIÊN
KT,ĐG ĐỊNH KỲ CUỐI HK 1

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 19 - Khối 10

Khóa ngày: 29/12/2025

TT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi
1	000433	Vũ Thế	Phong	Nam	28/04/2010	10A10	Văn, Toán, Anh, Vật lí
2	000434	Lê Duy Tấn	Phú	Nam	09/05/2010	10A13	Văn, Toán, Anh, Vật lí
3	000435	Sử Gia	Phú	Nam	15/02/2010	10A09	Văn, Toán, Anh, Vật lí
4	000436	Lê Gia	Phúc	Nam	26/11/2010	10A05	Văn, Toán, Anh, Vật lí
5	000437	Nguyễn Duy	Phúc	Nam	15/01/2010	10A04	Văn, Toán, Anh, Vật lí
6	000438	Nguyễn Hoàng	Phúc	Nam	02/07/2010	10A05	Văn, Toán, Anh, Vật lí
7	000439	Nguyễn Khắc Minh	Phúc	Nam	04/09/2010	10A03	Văn, Toán, Anh, Vật lí
8	000440	Nguyễn Quang	Phúc	Nam	24/05/2010	10A14	Văn, Toán, Anh, Vật lí
9	000441	Trần Hoàng	Phúc	Nam	16/01/2010	10A02	Văn, Toán, Anh, Vật lí
10	000442	Trần Thiên	Phúc	Nam	15/07/2010	10A09	Văn, Toán, Anh, Vật lí
11	000443	Hà Lan	Phương	Nữ	21/07/2010	10A12	Văn, Toán, Anh, Vật lí
12	000444	Lê Minh	Phương	Nữ	05/02/2010	10A15	Văn, Toán, Anh, Vật lí
13	000445	Lê Thị Ngọc	Phương	Nữ	25/06/2010	10A08	Văn, Toán, Anh, Vật lí
14	000446	Nguyễn Hoàng Nam	Phương	Nữ	10/07/2010	10A05	Văn, Toán, Anh, Vật lí
15	000447	Nguyễn Mai	Phương	Nữ	12/08/2010	10A01	Văn, Toán, Anh, Vật lí
16	000448	Nguyễn Thùy	Phương	Nữ	06/03/2010	10A01	Văn, Toán, Anh, Vật lí
17	000449	Nguyễn Vũ Minh	Phương	Nữ	01/01/2010	10A12	Văn, Toán, Anh, Vật lí
18	000450	Phạm Mai	Phương	Nữ	09/02/2010	10A08	Văn, Toán, Anh, Vật lí
19	000451	Phạm Minh	Phương	Nữ	15/07/2010	10A13	Văn, Toán, Anh, Vật lí
20	000452	Quản Tôn Hà	Phương	Nữ	13/01/2010	10A04	Văn, Toán, Anh, Vật lí
21	000453	Trần Thanh	Phương	Nữ	24/12/2010	10A04	Văn, Toán, Anh, Vật lí
22	000454	Võ Ngọc Mai	Phương	Nữ	21/11/2010	10A08	Văn, Toán, Anh, Vật lí
23	000455	Vũ Ngọc Minh	Phương	Nữ	05/09/2010	10A05	Văn, Toán, Anh, Vật lí
24	000456	Vũ Trúc	Phương	Nữ	25/04/2010	10A05	Văn, Toán, Anh, Vật lí

Danh sách này có 24 học sinh.

TRƯỜNG THPT TRẦN BIÊN
KT,ĐG ĐỊNH KỲ CUỐI HK 1

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 20 - Khối 10

Khóa ngày: 29/12/2025

TT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi
1	000457	Chu Tuấn	Quang	Nam	07/09/2010	10A02	Văn, Toán, Anh, Vật lí
2	000458	Huỳnh Thế	Quang	Nam	05/05/2010	10A05	Văn, Toán, Anh, Vật lí
3	000459	Nguyễn Minh	Quang	Nam	01/08/2010	10A04	Văn, Toán, Anh, Vật lí
4	000460	Đỗ Nguyễn Minh	Quân	Nam	27/07/2010	10A07	Văn, Toán, Anh, Vật lí
5	000461	Ngô Đăng	Quân	Nam	24/03/2010	10A10	Văn, Toán, Anh, Vật lí
6	000462	Nguyễn Trung	Quân	Nam	24/01/2010	10A10	Văn, Toán, Anh, Vật lí
7	000463	Tôn Thất Minh	Quân	Nam	20/01/2010	10A05	Văn, Toán, Anh, Vật lí
8	000464	Lê Anh	Quốc	Nam	23/01/2010	10A08	Văn, Toán, Anh, Vật lí
9	000465	Nguyễn Thúy Phương	Quyên	Nữ	18/01/2010	10A02	Văn, Toán, Anh, Vật lí
10	000466	Đinh Thị Diễm	Quyên	Nữ	20/09/2010	10A13	Văn, Toán, Anh, Vật lí
11	000467	Lê Nguyễn Khánh	Quyên	Nữ	28/04/2010	10A15	Văn, Toán, Anh, Vật lí
12	000468	Phan Trịnh Như	Quyên	Nữ	07/02/2010	10A12	Văn, Toán, Anh, Vật lí
13	000469	Tổng Như	Quyên	Nữ	19/06/2010	10A13	Văn, Toán, Anh, Vật lí
14	000470	Nguyễn Thị	Sáng	Nữ	20/01/2010	10A04	Văn, Toán, Anh, Vật lí
15	000471	Đỗ Lâm	Sơn	Nam	17/12/2010	10A09	Văn, Toán, Anh, Vật lí
16	000472	Hoàng Hà	Sơn	Nam	12/09/2010	10A08	Văn, Toán, Anh, Vật lí
17	000473	Nguyễn Hải	Sơn	Nam	10/07/2010	10A03	Văn, Toán, Anh, Vật lí
18	000474	Nguyễn Trường	Sơn	Nam	25/12/2010	10A01	Văn, Toán, Anh, Vật lí
19	000475	Trần Tấn	Tài	Nam	04/01/2010	10A10	Văn, Toán, Anh, Vật lí
20	000476	Vũ Đức	Tài	Nam	08/09/2010	10A03	Văn, Toán, Anh, Vật lí
21	000477	Nguyễn Hữu	Tâm	Nam	28/02/2010	10A13	Văn, Toán, Anh, Vật lí
22	000478	Nguyễn Minh	Tâm	Nam	04/04/2010	10A04	Văn, Toán, Anh, Vật lí
23	000479	Võ Minh	Tâm	Nữ	07/02/2010	10A03	Văn, Toán, Anh, Vật lí
24	000480	Lô Nam	Thái	Nam	05/04/2010	10A01	Văn, Toán, Anh, Vật lí

Danh sách này có 24 học sinh.

TRƯỜNG THPT TRẦN BIÊN
KT,ĐG ĐỊNH KỲ CUỐI HK 1

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 21 - Khối 10

Khóa ngày: 29/12/2025

TT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi
1	000481	Võ An Phước	Thái	Nam	20/11/2010	10A07	Văn, Toán, Anh, Vật lí
2	000482	Lê Nguyễn Trúc	Thanh	Nữ	29/10/2010	10A10	Văn, Toán, Anh, Vật lí
3	000483	Lưu Ngọc Đan	Thanh	Nữ	26/07/2010	10A14	Văn, Toán, Anh, Vật lí
4	000484	Phan Trần Kỳ	Thanh	Nữ	10/01/2010	10A08	Văn, Toán, Anh, Vật lí
5	000485	Nguyễn Phúc	Thành	Nam	24/07/2010	10A10	Văn, Toán, Anh, Vật lí
6	000486	Đỗ Phương	Thảo	Nữ	05/11/2010	10A11	Văn, Toán, Anh, Vật lí
7	000487	Lê Thị Bích	Thảo	Nữ	16/06/2010	10A02	Văn, Toán, Anh, Vật lí
8	000488	Lê Thị Phương	Thảo	Nữ	15/09/2010	10A05	Văn, Toán, Anh, Vật lí
9	000489	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	Nữ	31/03/2010	10A01	Văn, Toán, Anh, Vật lí
10	000490	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	16/02/2010	10A01	Văn, Toán, Anh, Vật lí
11	000491	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	20/01/2010	10A05	Văn, Toán, Anh, Vật lí
12	000492	Trần Mai Phương	Thảo	Nữ	19/01/2010	10A15	Văn, Toán, Anh, Vật lí
13	000493	Trần Võ Như	Thảo	Nữ	20/01/2010	10A11	Văn, Toán, Anh, Vật lí
14	000494	Bùi Việt	Thắng	Nam	21/12/2010	10A02	Văn, Toán, Anh, Vật lí
15	000495	Mai Quốc	Thắng	Nam	17/07/2010	10A06	Văn, Toán, Anh, Vật lí
16	000496	Nguyễn Việt	Thắng	Nam	04/04/2010	10A08	Văn, Toán, Anh, Vật lí
17	000497	Trần Minh	Thắng	Nam	12/04/2010	10A01	Văn, Toán, Anh, Vật lí
18	000498	Nguyễn Quốc	Thịnh	Nam	10/08/2010	10A11	Văn, Toán, Anh, Vật lí
19	000499	Võ Đức	Thịnh	Nam	30/01/2010	10A07	Văn, Toán, Anh, Vật lí
20	000500	Bùi Duy	Thọ	Nam	04/05/2010	10A14	Văn, Toán, Anh, Vật lí
21	000501	Tổng Hữu	Thọ	Nam	04/01/2010	10A05	Văn, Toán, Anh, Vật lí
22	000502	Lê Anh	Thơ	Nữ	22/07/2010	10A12	Văn, Toán, Anh, Vật lí
23	000503	Phạm Phương	Thúy	Nữ	25/09/2010	10A07	Văn, Toán, Anh, Vật lí
24	000504	Vũ Thanh	Thúy	Nữ	31/08/2010	10A06	Văn, Toán, Anh, Vật lí

Danh sách này có 24 học sinh.

TRƯỜNG THPT TRẦN BIÊN
KT,ĐG ĐỊNH KỲ CUỐI HK 1

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 22 - Khối 10

Khóa ngày: 29/12/2025

TT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi
1	000505	Bùi Hà Anh	Thư	Nữ	16/06/2010	10A10	Văn, Toán, Anh, Vật lí
2	000506	Bùi Hoàng Anh	Thư	Nữ	06/03/2010	10A04	Văn, Toán, Anh, Vật lí
3	000507	Chung Khả	Thư	Nữ	10/10/2010	10A14	Văn, Toán, Anh, Vật lí
4	000508	Đoàn Nguyễn Minh	Thư	Nữ	13/10/2010	10A12	Văn, Toán, Anh, Vật lí
5	000509	Đoàn Thị Anh	Thư	Nữ	14/02/2010	10A02	Văn, Toán, Anh, Vật lí
6	000510	Đỗ Thị Ân	Thư	Nữ	21/11/2010	10A12	Văn, Toán, Anh, Vật lí
7	000511	Đỗ Vũ Khánh	Thư	Nữ	29/09/2010	10A13	Văn, Toán, Anh, Vật lí
8	000512	Hồ Lương Anh	Thư	Nữ	10/10/2010	10A15	Văn, Toán, Anh, Vật lí
9	000513	Huỳnh Anh	Thư	Nữ	15/12/2010	10A01	Văn, Toán, Anh, Vật lí
10	000514	Lê Minh	Thư	Nữ	29/06/2010	10A05	Văn, Toán, Anh, Vật lí
11	000515	Lê Ngọc Minh	Thư	Nữ	08/07/2010	10A14	Văn, Toán, Anh, Vật lí
12	000516	Ngô Minh	Thư	Nữ	11/05/2010	10A01	Văn, Toán, Anh, Vật lí
13	000517	Nguyễn Anh	Thư	Nữ	23/05/2010	10A10	Văn, Toán, Anh, Vật lí
14	000518	Nguyễn Đăng Quỳnh	Thư	Nữ	20/05/2010	10A13	Văn, Toán, Anh, Vật lí
15	000519	Nguyễn Lê Anh	Thư	Nữ	16/11/2010	10A11	Văn, Toán, Anh, Vật lí
16	000520	Nguyễn Minh	Thư	Nữ	02/11/2010	10A08	Văn, Toán, Anh, Vật lí
17	000521	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	Nữ	11/07/2010	10A10	Văn, Toán, Anh, Vật lí
18	000522	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	Nữ	15/02/2010	10A14	Văn, Toán, Anh, Vật lí
19	000523	Nguyễn Phạm Minh	Thư	Nữ	25/03/2010	10A15	Văn, Toán, Anh, Vật lí
20	000524	Nguyễn Trần Quỳnh	Thư	Nữ	10/03/2010	10A04	Văn, Toán, Anh, Vật lí
21	000525	Nhĩn Bùi Anh	Thư	Nữ	07/03/2010	10A10	Văn, Toán, Anh, Vật lí
22	000526	Phạm Uyên	Thư	Nữ	07/09/2010	10A10	Văn, Toán, Anh, Vật lí
23	000527	Trần Minh	Thư	Nữ	31/01/2010	10A12	Văn, Toán, Anh, Vật lí
24	000528	Trần Thị Anh	Thư	Nữ	11/01/2010	10A01	Văn, Toán, Anh, Vật lí

Danh sách này có 24 học sinh.

TRƯỜNG THPT TRẦN BIÊN
KT,ĐG ĐỊNH KỲ CUỐI HK 1

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 23 - Khối 10

Khóa ngày: 29/12/2025

TT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi
1	000529	Trịnh Minh	Thư	Nữ	02/07/2010	10A06	Văn, Toán, Anh, Vật lí
2	000530	Vũ Ngọc Minh	Thư	Nữ	08/02/2010	10A02	Văn, Toán, Anh, Vật lí
3	000531	Phan Duy	Thức	Nam	29/03/2010	10A02	Văn, Toán, Anh, Vật lí
4	000532	Mai Nguyễn Ngân	Thương	Nữ	01/11/2010	10A06	Văn, Toán, Anh, Vật lí
5	000533	Tổng Hoài	Thương	Nữ	22/11/2010	10A08	Văn, Toán, Anh, Vật lí
6	000534	Lê Bùi Minh	Thy	Nữ	06/12/2010	10A03	Văn, Toán, Anh, Vật lí
7	000535	Trần Bảo	Thy	Nữ	23/10/2010	10A06	Văn, Toán, Anh, Vật lí
8	000536	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	Nữ	23/09/2010	10A15	Văn, Toán, Anh, Vật lí
9	000537	Phạm Thị Lê	Tiên	Nữ	23/05/2009	10A03	Văn, Toán, Anh, Vật lí
10	000538	Trần Ninh Thủy	Tiên	Nữ	22/09/2010	10A07	Văn, Toán, Anh, Vật lí
11	000539	Trần Thủy	Tiên	Nữ	21/09/2010	10A05	Văn, Toán, Anh, Vật lí
12	000540	Đặng Lê Công	Tiến	Nam	15/11/2010	10A04	Văn, Toán, Anh, Vật lí
13	000541	Mai Xuân	Tiến	Nam	30/09/2010	10A11	Văn, Toán, Anh, Vật lí
14	000542	Ngô Đức	Tiến	Nam	14/03/2010	10A03	Văn, Toán, Anh, Vật lí
15	000543	Nguyễn Dương Cao	Tiến	Nam	03/11/2010	10A04	Văn, Toán, Anh, Vật lí
16	000544	Nguyễn Hữu Hoàng	Tiến	Nam	21/06/2009	10A03	Văn, Toán, Anh, Vật lí
17	000545	Nguyễn Minh	Tiến	Nam	10/09/2010	10A05	Văn, Toán, Anh, Vật lí
18	000546	Nguyễn Minh	Tiến	Nam	12/01/2010	10A11	Văn, Toán, Anh, Vật lí
19	000547	Trương Quốc	Tiến	Nam	03/02/2010	10A15	Văn, Toán, Anh, Vật lí
20	000548	Phạm Thế	Toàn	Nam	11/06/2010	10A05	Văn, Toán, Anh, Vật lí
21	000549	Trần Lê Khánh	Toàn	Nam	13/07/2010	10A06	Văn, Toán, Anh, Vật lí
22	000550	Vũ Minh	Trà	Nữ	12/01/2010	10A04	Văn, Toán, Anh, Vật lí
23	000551	Ngô Phương	Trang	Nữ	14/01/2010	10A06	Văn, Toán, Anh, Vật lí
24	000552	Nguyễn Đình Bảo	Trang	Nữ	20/08/2010	10A12	Văn, Toán, Anh, Vật lí

Danh sách này có 24 học sinh.

TRƯỜNG THPT TRẦN BIÊN
KT,ĐG ĐỊNH KỲ CUỐI HK 1

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 24 - Khối 10

Khóa ngày: 29/12/2025

TT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi
1	000553	Nguyễn Ngọc Trang	Nữ	24/04/2010	10A03	Văn, Toán, Anh, Vật lí
2	000554	Nguyễn Thanh Thùy Trang	Nữ	17/11/2010	10A14	Văn, Toán, Anh, Vật lí
3	000555	Nguyễn Thị Phương Trang	Nữ	26/01/2010	10A15	Văn, Toán, Anh, Vật lí
4	000556	Phạm Bùi Nhã Trang	Nữ	09/06/2010	10A13	Văn, Toán, Anh, Vật lí
5	000557	Trần Ngọc Tú Trang	Nữ	16/03/2010	10A13	Văn, Toán, Anh, Vật lí
6	000558	Bùi Phạm Mỹ Trâm	Nữ	11/02/2010	10A09	Văn, Toán, Anh, Vật lí
7	000559	Nguyễn Ngọc Trâm	Nữ	25/02/2010	10A15	Văn, Toán, Anh, Vật lí
8	000560	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	Nữ	30/07/2010	10A09	Văn, Toán, Anh, Vật lí
9	000561	Nguyễn Thị Thùy Trâm	Nữ	21/07/2010	10A07	Văn, Toán, Anh, Vật lí
10	000562	Phan Bảo Trâm	Nữ	05/02/2010	10A09	Văn, Toán, Anh, Vật lí
11	000563	Phan Đặng Bảo Trâm	Nữ	15/01/2010	10A13	Văn, Toán, Anh, Vật lí
12	000564	Bùi Đặng Huyền Trân	Nữ	24/09/2010	10A14	Văn, Toán, Anh, Vật lí
13	000565	Đặng Bảo Trân	Nữ	21/10/2010	10A02	Văn, Toán, Anh, Vật lí
14	000566	Đinh Hoàng Bảo Trân	Nữ	06/06/2010	10A14	Văn, Toán, Anh, Vật lí
15	000567	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	Nữ	04/10/2010	10A09	Văn, Toán, Anh, Vật lí
16	000568	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	Nữ	24/09/2010	10A13	Văn, Toán, Anh, Vật lí
17	000569	Nguyễn Thị Bảo Trân	Nữ	12/05/2010	10A04	Văn, Toán, Anh, Vật lí
18	000570	Phạm Ngọc Bảo Trân	Nữ	27/01/2010	10A14	Văn, Toán, Anh, Vật lí
19	000571	Trần Tú Trân	Nữ	09/09/2010	10A11	Văn, Toán, Anh, Vật lí
20	000572	Nguyễn Minh Trí	Nam	03/03/2010	10A03	Văn, Toán, Anh, Vật lí
21	000573	Lê Minh Triết	Nam	08/06/2010	10A05	Văn, Toán, Anh, Vật lí
22	000574	Vũ Đình Minh Triết	Nam	12/05/2010	10A06	Văn, Toán, Anh, Vật lí
23	000575	Đặng Tổ Trình	Nữ	24/03/2010	10A04	Văn, Toán, Anh, Vật lí
24	000576	Nguyễn Trần Ngọc Trình	Nữ	11/08/2010	10A04	Văn, Toán, Anh, Vật lí

Danh sách này có 24 học sinh.

TRƯỜNG THPT TRẦN BIÊN
KT,ĐG ĐỊNH KỲ CUỐI HK 1

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 25 - Khối 10

Khóa ngày: 29/12/2025

TT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi
1	000577	Nguyễn Hà Thanh	Trúc	Nữ	22/04/2010	10A12	Văn, Toán, Anh, Vật lí
2	000578	Nguyễn Lê Thuỷ	Trúc	Nữ	28/07/2010	10A08	Văn, Toán, Anh, Vật lí
3	000579	Phan Thanh	Trúc	Nữ	10/07/2010	10A02	Văn, Toán, Anh, Vật lí
4	000580	Võ Thanh	Trúc	Nữ	30/09/2010	10A06	Văn, Toán, Anh, Vật lí
5	000581	Vũ Nguyễn Thanh	Trúc	Nữ	30/09/2010	10A12	Văn, Toán, Anh, Vật lí
6	000582	Lê Thành	Trung	Nam	02/02/2009	10A09	Văn, Toán, Anh, Vật lí
7	000583	Ngô Lê	Trung	Nam	11/05/2010	10A12	Văn, Toán, Anh, Vật lí
8	000584	Nguyễn Sỹ Quốc	Trung	Nam	30/09/2010	10A07	Văn, Toán, Anh, Vật lí
9	000585	Nguyễn Thành	Trung	Nam	23/01/2010	10A01	Văn, Toán, Anh, Vật lí
10	000586	Mai Văn	Tú	Nam	05/08/2010	10A03	Văn, Toán, Anh, Vật lí
11	000587	Nguyễn Trần Thanh	Tú	Nam	14/02/2010	10A03	Văn, Toán, Anh, Vật lí
12	000588	Phạm Anh	Tú	Nam	25/06/2010	10A10	Văn, Toán, Anh, Vật lí
13	000589	Lê Huy	Tuấn	Nam	15/09/2010	10A14	Văn, Toán, Anh, Vật lí
14	000590	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	27/05/2010	10A05	Văn, Toán, Anh, Vật lí
15	000591	Trương Văn	Tuấn	Nam	24/05/2010	10A02	Văn, Toán, Anh, Vật lí
16	000592	Cao Mạnh	Tùng	Nam	06/05/2010	10A13	Văn, Toán, Anh, Vật lí
17	000593	Nguyễn Đức	Tùng	Nam	25/12/2010	10A12	Văn, Toán, Anh, Vật lí
18	000594	Trần Đăng	Tùng	Nam	02/04/2010	10A15	Văn, Toán, Anh, Vật lí
19	000595	Trương Thị Ánh	Tuyết	Nữ	05/07/2010	10A10	Văn, Toán, Anh, Vật lí
20	000596	Trần Ngọc Cát	Tường	Nữ	08/04/2010	10A14	Văn, Toán, Anh, Vật lí
21	000597	Ngô Thục	Uyên	Nữ	06/12/2010	10A06	Văn, Toán, Anh, Vật lí
22	000598	Nguyễn Huỳnh Mỹ	Uyên	Nữ	27/05/2010	10A15	Văn, Toán, Anh, Vật lí
23	000599	Nguyễn Ngọc Tố	Uyên	Nữ	13/04/2010	10A09	Văn, Toán, Anh, Vật lí
24	000600	Nguyễn Thái	Uyên	Nữ	15/05/2010	10A13	Văn, Toán, Anh, Vật lí

Danh sách này có 24 học sinh.

TRƯỜNG THPT TRẦN BIÊN
KT,ĐG ĐỊNH KỲ CUỐI HK 1

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 26 - Khối 10

Khóa ngày: 29/12/2025

TT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi
1	000601	Phạm Lê Uyên	Nữ	27/06/2010	10A02	Văn, Toán, Anh, Vật lí
2	000602	Lê Triết Kiến Văn	Nam	23/09/2010	10A08	Văn, Toán, Anh, Vật lí
3	000603	Đặng Thị Thúy Vân	Nữ	26/01/2010	10A02	Văn, Toán, Anh, Vật lí
4	000604	Đặng Thị Trúc Vân	Nữ	26/01/2010	10A08	Văn, Toán, Anh, Vật lí
5	000605	Lưu Thanh Vân	Nữ	01/05/2010	10A15	Văn, Toán, Anh, Vật lí
6	000606	Trần Thanh Vân	Nữ	01/11/2010	10A13	Văn, Toán, Anh, Vật lí
7	000607	Phan Ngô Tường Vi	Nữ	13/02/2010	10A03	Văn, Toán, Anh, Vật lí
8	000608	Trần Đặng Thảo Vi	Nữ	17/09/2010	10A13	Văn, Toán, Anh, Vật lí
9	000609	Hoàng Gia Vĩ	Nam	01/01/2010	10A04	Văn, Toán, Anh, Vật lí
10	000610	Bùi Anh Vũ	Nam	15/01/2010	10A03	Văn, Toán, Anh, Vật lí
11	000611	Đào Đại Vũ	Nam	08/04/2010	10A10	Văn, Toán, Anh, Vật lí
12	000612	Đỗ Phạm An Vũ	Nam	06/10/2010	10A04	Văn, Toán, Anh, Vật lí
13	000613	Phan Khắc Hoàng Vũ	Nam	26/03/2010	10A05	Văn, Toán, Anh, Vật lí
14	000614	Tôn Lê Hoàng Vũ	Nam	26/11/2010	10A02	Văn, Toán, Anh, Vật lí
15	000615	Đàm Minh Vy	Nữ	22/10/2010	10A05	Văn, Toán, Anh, Vật lí
16	000616	Đặng Quỳnh Đông Vy	Nữ	03/10/2010	10A07	Văn, Toán, Anh, Vật lí
17	000617	Hồ Nhã Vy	Nữ	08/12/2010	10A02	Văn, Toán, Anh, Vật lí
18	000618	Hồ Thị Tường Vy	Nữ	18/08/2010	10A07	Văn, Toán, Anh, Vật lí
19	000619	Lê Phương Vy	Nữ	14/10/2010	10A12	Văn, Toán, Anh, Vật lí
20	000620	Ngô Hoàng Bảo Vy	Nữ	19/06/2010	10A06	Văn, Toán, Anh, Vật lí
21	000621	Nguyễn Hoàng Lê Vy	Nữ	13/01/2010	10A06	Văn, Toán, Anh, Vật lí
22	000622	Nguyễn Hồ Vy	Nữ	19/05/2010	10A02	Văn, Toán, Anh, Vật lí
23	000623	Nguyễn Ngọc Tường Vy	Nữ	10/10/2010	10A12	Văn, Toán, Anh, Vật lí
24	000624	Nguyễn Thảo Vy	Nữ	07/11/2010	10A08	Văn, Toán, Anh, Vật lí

Danh sách này có 24 học sinh.

TRƯỜNG THPT TRẦN BIÊN
KT,ĐG ĐỊNH KỲ CUỐI HK 1

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 27 - Khối 10

Khóa ngày: 29/12/2025

TT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi
1	000625	Nguyễn Thị Ánh	Vy	Nữ	10/06/2010	10A08	Văn, Toán, Anh, Vật lí
2	000626	Nguyễn Thị Hải	Vy	Nữ	20/06/2010	10A01	Văn, Toán, Anh, Vật lí
3	000627	Vũ Khánh	Vy	Nữ	08/03/2010	10A02	Văn, Toán, Anh, Vật lí
4	000628	Y Nguyễn Kiều	Vy	Nữ	24/07/2010	10A05	Văn, Toán, Anh, Vật lí
5	000629	Nguyễn Thị Diệp	Y	Nữ	09/07/2009	10A14	Văn, Toán, Anh, Vật lí
6	000630	Hồ Ngọc Như	Ý	Nữ	02/02/2010	10A12	Văn, Toán, Anh, Vật lí
7	000631	Đào Nguyễn Hải	Yến	Nữ	14/01/2010	10A12	Văn, Toán, Anh, Vật lí
8	000632	Lê Thị Hải	Yến	Nữ	16/10/2010	10A13	Văn, Toán, Anh, Vật lí
9	000633	Nguyễn Hoàng	Yến	Nữ	25/11/2010	10A01	Văn, Toán, Anh, Vật lí
10	000634	Nguyễn Lê Hải	Yến	Nữ	05/05/2010	10A13	Văn, Toán, Anh, Vật lí
11	000635	Trần Bảo	Yến	Nữ	29/05/2010	10A09	Văn, Toán, Anh, Vật lí
12	000636	Trần Kim	Yến	Nữ	15/04/2010	10A01	Văn, Toán, Anh, Vật lí
13	000637	Trần Thị Hải	Yến	Nữ	27/11/2010	10A10	Văn, Toán, Anh, Vật lí

Danh sách này có 13 học sinh.